MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN TRONG CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP - TỪ THỰC TIỄN TP. HỒ CHÍ MINH

NGÔ THIÊN VÂN*

Bài viết phân tích mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp - từ thực tiễn TP. Hồ Chí Minh, chỉ ra những kết quả bước đầu trong kiện toàn tổ chức, phân định ngân sách và thiết lập cơ chế phối hợp; đồng thời, nhận diện các hạn chế về nghiệp vụ, dữ liệu và phân công trách nhiệm. Qua trường hợp ngân sách, bài viết làm rõ mối liên hệ giữa thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và trách nhiệm tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân, cũng như khoảng trống thông tin về kết quả giám sát. Từ đó, đề xuất giải pháp gắn thẩm quyền với nguồn lực, bảo đảm cung cấp thông tin và nâng cao trách nhiệm thực hiện kiến nghị giám sát.

Từ khóa: *Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; chính quyền địa phương hai cấp; giám sát; giải trình.*

This article analyzes the relationship between People's Councils and People's Committees within the two-tier local government model, drawing on Ho Chi Minh City's practice. It highlights early achievements in organizational restructuring, delineation of budgetary responsibilities, and establishing coordination mechanisms, while identifying limitations in professional expertise, data, and responsibility assignment. Using the budget as a case study, the article clarifies the relationship between People's Councils' decision-making authority and People's Committees' implementation responsibilities, as well as information gaps in oversight outcomes. On that basis, it proposes solutions to align authority with resources, ensure information provision, and strengthen accountability for implementing oversight recommendations.

Keywords: *People's Councils; People's Committees; two-tier local government; oversight; accountability.*

NGÀY NHẬN: 30/7/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 02/11/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 18/11/2026

Email: vanngo@hcma2.edu.vn

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.372.2026.1710

1. Đặt vấn đề

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ ngày 01/7/2025 đã làm thay đổi căn bản phương thức phân định thẩm quyền và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giữa cấp tỉnh và cấp xã; đồng thời, đặt ra yêu cầu đổi mới quan hệ giữa Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) cùng cấp. Trong

* *ThS, Học viện Chính trị khu vực II*

bối cảnh chấm dứt hoạt động của cấp huyện, UBND cấp xã tiếp nhận khối lượng công việc và trách nhiệm quản lý ngày càng lớn, đòi hỏi HĐND tăng cường năng lực quyết định, giám sát và kiểm soát trách nhiệm hành chính.

Trên cơ sở phân tích quy định pháp luật, tổng hợp tài liệu và nghiên cứu thực tiễn quản lý ngân sách tại TP. Hồ Chí Minh, bài viết làm rõ những vấn đề đặt ra trong mối quan hệ giữa quyền chủ động điều hành của UBND với chức năng quyết định, giám sát của HĐND. Qua đó, khẳng định yêu cầu phân định minh bạch thẩm quyền, đồng bộ hóa quy trình quyết định và tổ chức thi hành, bảo đảm công khai thông tin, tăng cường giám sát chuyên sâu và xác lập cơ chế giải trình, xử lý trách nhiệm, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị chính quyền địa phương hai cấp.

2. Cơ sở lý luận và pháp lý về mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

2.1. Vị trí pháp lý và cơ sở xây dựng khung phân tích

Chính quyền địa phương là bộ phận hợp thành của bộ máy nhà nước thống nhất. Điều 113 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) xác định HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân; thực hiện quyền quyết định và giám sát theo thẩm quyền luật định. Điều 114 xác định UBND do HĐND cùng cấp bầu, là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (Quốc hội, 2013, 2025).

UBND thực hiện chức năng chấp hành nghị quyết của HĐND; đồng thời, tổ chức thi hành *Hiến pháp*, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và quản lý hành chính nhà nước ở địa phương. Thẩm quyền của UBND được pháp luật xác lập, không chỉ phát sinh từ nghị quyết HĐND. Bởi vậy, cần phân biệt trách nhiệm trước HĐND cùng cấp với việc chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của cơ quan hành chính cấp trên. Hai cơ quan có chức năng khác nhau nhưng cùng thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, không phải hai trung tâm quyền lực độc lập.

Nghiên cứu của Lê Thương Huyền (2020) đã xem xét quan hệ HĐND - UBND từ tổ chức quyền lực đến phối hợp chuẩn bị nghị quyết và trách nhiệm thực hiện. Cách tiếp cận này gợi mở việc đánh giá quan hệ giữa hai cơ quan qua từng công việc cụ thể. Tuy nhiên, những nhận định trong bối cảnh chính quyền ba cấp cần được xem xét lại khi tổ chức và thẩm quyền đã thay đổi.

Về trách nhiệm giải trình, Bovens (2007) phân tích quan hệ giữa chủ thể phải giải thích hành vi với chủ thể có quyền đặt câu hỏi, đánh giá và xem xét hệ quả của hành vi đó. Vận dụng vào quan hệ HĐND - UBND ở Việt Nam, việc gửi báo cáo mới chỉ là một phần của trách nhiệm giải trình. Cần xem HĐND có điều kiện kiểm tra thông tin, yêu cầu làm rõ và theo dõi việc khắc phục hay không.

2.2. Năm phương diện của mối quan hệ và yêu cầu đánh giá

Từ vị trí pháp lý, quá trình thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm giải trình, bài viết phân tích năm phương diện có liên hệ với nhau: tổ chức và trách nhiệm; quyết định và chấp hành; giám sát và giải trình; phối hợp; kiểm soát quyền lực. Trong đó, kiểm soát quyền lực là yêu cầu xuyên suốt, được xem xét tập trung ở khả năng xử lý sai lệch và xác định trách nhiệm. Cách phân chia này giúp phân biệt việc có tổ chức, có hoạt động với việc hoạt động đó mang lại kết quả đến đâu.

Thứ nhất, quan hệ về tổ chức, thành lập và trách nhiệm chính trị, pháp lý. HĐND bầu các chức danh UBND theo luật; việc phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thực hiện trách nhiệm của người giữ chức vụ phải đúng chủ thể, trình tự. Thẩm quyền quyết định nhân sự không có nghĩa HĐND tự xác lập toàn bộ nhiệm vụ của UBND. Yêu cầu đánh giá là tổ chức được kiện toàn hợp pháp, nhiệm vụ của tập thể UBND và chủ tịch UBND được phân định rõ, người thực hiện chịu trách

nhiệm về công việc của mình. Riêng việc kiện toàn nhân sự trong đợt sắp xếp năm 2025 áp dụng khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 203/2025/QH15 và quy định chuyển tiếp liên quan của *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025. Cần phân biệt cơ chế chỉ định trong đợt sắp xếp với quy trình bầu cử theo *Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Thứ hai, quan hệ quyết định và chấp hành. HĐND quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền; UBND chuẩn bị nội dung trình HĐND và tổ chức thực hiện nghị quyết; đồng thời, thực hiện các nhiệm vụ hành chính do pháp luật quy định. Quan hệ này cần được đánh giá qua tính hợp pháp, tính khả thi của quyết định, sự bảo đảm nguồn lực và kết quả thực hiện. Chẳng hạn, với ngân sách, cần nối nghị quyết phân bổ với kế hoạch triển khai, tình hình sử dụng kinh phí và kết quả nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ hồ sơ hành chính đúng hạn chỉ phản ánh một mặt hoạt động của UBND; nếu chưa xác định nghị quyết và trách nhiệm liên quan thì không thể dùng tỷ lệ đó để kết luận về hiệu quả chấp hành nghị quyết.

Thứ ba, quan hệ giám sát và giải trình. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND thực hiện hoạt động giám sát theo phạm vi luật định. Cần phân biệt chất vấn, giải trình, xem xét báo cáo, giám sát chuyên đề với kiểm tra, thanh tra và chỉ đạo hành chính. *Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND* năm 2025 quy định những thẩm quyền khác nhau cho từng chủ thể; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm gắn với người giữ chức vụ do HĐND bầu, theo đối tượng, điều kiện và trình tự do Quốc hội quy định; không áp dụng đối với tập thể UBND. Nội dung cần xem xét là thông tin có đủ căn cứ, câu hỏi có được trả lời và kiến nghị có được thực hiện hay không (Quốc hội, 2025c, Điều 27 - 35). *Luật* này có hiệu lực từ ngày 01/3/2026; hoạt động giám sát đang triển khai trước đó tiếp tục áp dụng *Luật* năm 2015 theo quy định chuyển tiếp. Kết quả năm 2025 cần được xem xét theo pháp luật áp dụng trong thời gian tương ứng.

Thứ tư, quan hệ phối hợp trong chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ. UBND cung cấp hồ sơ, phương án và nguồn lực dự kiến; các Ban HĐND thẩm tra; HĐND thảo luận, quyết định; UBND triển khai và báo cáo kết quả. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giúp bổ sung ý kiến, kiến nghị của cử tri và phản biện xã hội. Tuy nhiên, sự thống nhất trong phối hợp không thay thế thẩm quyền quyết định của HĐND hoặc làm giảm trách nhiệm thẩm tra. Chất lượng phối hợp thể hiện ở hồ sơ được chuẩn bị đúng yêu cầu, thông tin được trao đổi kịp thời và ý kiến khác nhau được xem xét có căn cứ.

Thứ năm, kiểm soát quyền lực và xử lý trách nhiệm. Giám sát cung cấp căn cứ để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ; hiệu lực kiểm soát còn đòi hỏi khả năng sửa quyết định trái pháp luật, khắc phục thiếu sót hoặc xử lý trách nhiệm theo thẩm quyền. Trách nhiệm của UBND trước HĐND cùng cấp có tính chất khác với việc chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của cơ quan hành chính cấp trên. Hai quan hệ này khác nhau về đối tượng, phương thức và giới hạn thẩm quyền, nên cần được xem xét riêng khi đánh giá trách nhiệm của UBND. Yêu cầu đánh giá ở đây là sai lệch được phát hiện có dẫn tới biện pháp xử lý thích hợp, đồng thời bảo đảm quyền chủ động điều hành hợp pháp của UBND.

3. Thực trạng mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tại TP. Hồ Chí Minh

3.1. Những kết quả bước đầu

TP. Hồ Chí Minh hiện nay có diện tích 6.772,65 km², quy mô dân số hơn 14 triệu người; 441 đơn vị cấp xã được sắp xếp thành 168 đơn vị, gồm 113 phường, 54 xã và đặc khu Côn Đảo (UBND TP. Hồ Chí Minh, 2026). Quy mô và sự đa dạng địa bàn làm tăng yêu cầu lựa chọn ưu tiên trong quyết định, tổ chức thực hiện và giám sát.

Về tổ chức và trách nhiệm, bộ máy được kiện toàn theo cơ chế chuyển tiếp để tiếp nhận

nhiệm vụ sau sắp xếp. Thường trực HĐND Thành phố đã chỉ định 337 phó chủ tịch UBND cấp xã cho thấy, việc bố trí nhân sự lãnh đạo đã được thực hiện theo cơ chế đặc thù của giai đoạn chuyển tiếp. Trách nhiệm của người được chỉ định tiếp tục được xem xét theo nhiệm vụ và thẩm quyền được giao (UBND TP. Hồ Chí Minh, 2026).

Về quyết định và chấp hành, trường hợp ngân sách thể hiện tương đối rõ nội dung phối hợp giữa hai cơ quan. UBND Thành phố trình HĐND ban hành Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phân chia các khoản thu năm 2025. Tiếp đó là Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 cho dự toán chi thường xuyên năm 2026 và Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 sửa đổi một số nội dung phân cấp ngân sách (UBND TP. Hồ Chí Minh, 2026).

Điểm đáng chú ý là nội dung HĐND quyết định đã xác định căn cứ để UBND cấp xã lập, phân bổ, điều hành dự toán. Các nguyên tắc phân bổ tính đến chức năng được giao, dân số, diện tích, đặc điểm địa bàn và khối lượng công việc. Lũy kế đến ngày 31/12/2025, tổng thu ngân sách cấp xã trên địa bàn Thành phố đạt 66.464,95 tỷ đồng; tổng chi ngân sách cấp xã năm 2025 đạt 59.092,61 tỷ đồng. Trong tổng thu, khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên là 58.522,2 tỷ đồng, chiếm 88,05% (UBND TP. Hồ Chí Minh, 2026). Số liệu này cho thấy, quy mô thu, chi ngân sách cấp xã trong năm 2025 chưa phản ánh tỷ lệ hoàn thành nghị quyết hoặc kết quả riêng của 6 tháng vận hành mô hình mới. Tỷ trọng bổ sung lớn cho thấy, việc quyết định và thực hiện nhiệm vụ ở cấp xã cần gắn với tiến độ, điều kiện phân bổ nguồn lực từ ngân sách cấp trên.

Về giám sát và giải trình. Trước các kỳ họp HĐND, Thường trực HĐND tổ chức rà soát nhiệm vụ cần tập trung, bám sát nghị quyết và chương trình hành động; các cơ quan phối hợp trong giám sát, phản biện xã hội. Việc rà soát này tạo điều kiện lựa chọn nội dung phải báo cáo và xem xét tại kỳ họp. Đối với UBND, những nhiệm vụ được rà soát là nội dung cần chuẩn bị thông tin để HĐND xem xét. Ý nghĩa của hoạt động này nằm ở sự gắn kết giữa chương trình kỳ họp với công việc đang triển khai, còn chất lượng giải trình phải được đánh giá qua nội dung phản hồi và kết quả xử lý.

Về phối hợp, HĐND, UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã xây dựng quy chế hoạt động, quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Cơ sở phối hợp này có ý nghĩa ở điểm kết nối việc chuẩn bị kỳ họp, rà soát nhiệm vụ và tiếp nhận ý kiến xã hội với hoạt động của chính quyền. Vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được nhìn nhận trong việc phản ánh nguyện vọng, giám sát và phản biện, không thay thế chức năng quyết định của HĐND. Việc thực hiện quy chế cần tiếp tục được đối chiếu với nội dung kiến nghị và kết quả phản hồi của UBND.

Về kiểm soát quyền lực, các nguyên tắc phân bổ nguồn lực và việc công khai ngân sách tạo cơ sở để đối chiếu quyền quyết định với trách nhiệm tổ chức thực hiện. Các xã, phường, đặc khu thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo quy định. HĐND có thể sử dụng thông tin này để xem xét việc phân bổ và sử dụng kinh phí thuộc phạm vi giám sát.

3.2. Hạn chế và những vấn đề cần làm rõ

Thứ nhất, điều kiện thực hiện nhiệm vụ ở cấp xã chưa theo kịp yêu cầu tổ chức mới. Mặc dù khối lượng công việc tăng trong khi nhân lực, trang thiết bị chưa được bổ sung kịp thời. Hạn chế trực tiếp nằm ở khả năng tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ của bộ máy hành chính. Đối với quan hệ HĐND-UBND, tình trạng này đặt ra yêu cầu làm rõ nguồn lực khi quyết định và nguyên nhân chậm thực hiện khi báo cáo.

Thứ hai, thông tin phục vụ công tác ra quyết định và theo dõi thực hiện nhiệm vụ hiện còn phân tán trên nhiều nền tảng. UBND

cấp xã phải sử dụng 19 hệ thống khác nhau, dẫn đến tình trạng một công việc phải cập nhật ở nhiều nơi, gây khó khăn cho việc tổng hợp tình trạng hồ sơ và xác định trách nhiệm xử lý. Thực trạng này thể hiện qua trường hợp hồ sơ thuộc hệ thống của Bộ Nội vụ đã được giải quyết nhưng Cổng Dịch vụ công quốc gia vẫn hiển thị trạng thái "đang tiếp nhận", dẫn đến cảnh báo quá hạn không phản ánh đúng tiến độ thực tế. Sự thiếu đồng bộ giữa kết quả xử lý và trạng thái hiển thị trên hệ thống cho thấy, cần thực hiện đối chiếu, xác minh dữ liệu trước khi đánh giá tiến độ và xác định trách nhiệm. Đồng thời, thông tin cung cấp phục vụ hoạt động giám sát của HĐND cần thể hiện rõ thời điểm cập nhật và căn cứ xác nhận kết quả nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất và khả năng kiểm chứng.

Thứ ba, năng lực chuyên môn của đội ngũ công chức cấp xã chưa đồng đều, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính - ngân sách. Phần lớn công chức phụ trách lĩnh vực này được bố trí từ cấp huyện và cấp xã trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, trong khi công tác bồi dưỡng chuyên sâu chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ mới. Thực trạng này đặt ra những khó khăn nhất định đối với các khâu lập, phân bổ, chấp hành và giải trình dự toán ngân sách.

Thứ tư, phân công, phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị còn thiếu rõ ràng, dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đây là hạn chế đã được cơ quan báo cáo xác nhận, song chủ yếu thuộc khâu tổ chức thực thi công vụ. Vì vậy, hoạt động giám sát của HĐND cần tập trung làm rõ trách nhiệm của cơ quan chậm xử lý, phân định nguyên nhân từ quy định thẩm quyền hay khâu tổ chức thực hiện, đồng thời đánh giá kết quả khắc phục của UBND.

4. Giải pháp bảo đảm mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Một là, làm rõ thẩm quyền và trách nhiệm trong từng công việc. UBND Thành phố cần chỉ đạo rà soát những quy trình đang phát sinh vướng mắc về ngân sách, đất đai, đầu tư công và tài sản công; phân biệt nội dung HĐND quyết định, UBND quyết định. Kết quả rà soát cần thể hiện bằng danh mục công việc, căn cứ pháp lý, đầu mối và thời hạn xử lý, ưu tiên nhiệm vụ chuyển giao có khó khăn thực tế. HĐND xem xét nội dung thuộc thẩm quyền của mình và giám sát việc thực hiện; quy chế phối hợp không được tự đặt thêm thẩm quyền.

Với vấn đề thuộc tổ chức thực hiện, UBND có thể điều chỉnh phân công, hướng dẫn nghiệp vụ hoặc quy trình nội bộ trong phạm vi được giao. Với mâu thuẫn giữa các văn bản hoặc thẩm quyền vượt khả năng xử lý của địa phương, cần tổng hợp nội dung, ảnh hưởng và phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi.

Hai là, gắn chất lượng nghị quyết với điều kiện tổ chức thực hiện. Trên cơ sở trường hợp ngân sách, UBND khi trình HĐND cần làm rõ nhiệm vụ cần chi, căn cứ lựa chọn mức phân bổ, nguồn bảo đảm và khả năng thực hiện của từng nhóm địa bàn. Các ban HĐND thẩm tra sự phù hợp giữa mục tiêu, thẩm quyền và nguồn lực; yêu cầu làm rõ những nội dung chưa đủ căn cứ trước khi trình quyết định.

Sau khi nghị quyết được thông qua, UBND phân công đầu mối, xác định thời hạn và cách báo cáo kết quả. Với ngân sách, nên đối chiếu số được giao, số đã sử dụng, tiến độ nhiệm vụ và nguyên nhân chênh lệch theo cùng kỳ; việc chuyển nguồn cần được giải thích theo căn cứ và mục đích cụ thể. HĐND cấp xã có thể lựa chọn một số khoản chi gắn với nhiệm vụ thiết yếu để theo dõi, thay vì chỉ xem tổng thu, tổng chi. Kết quả thực hiện phải được dùng khi xem xét dự toán tiếp theo, qua đó, nối quyền quyết định với trách nhiệm chấp hành một cách có căn cứ.

Ba là, nâng chất lượng giám sát, giải trình và theo dõi kiến nghị. HĐND, Thường trực HĐND và các Ban cần lựa chọn nội dung theo thẩm quyền, ưu tiên nhiệm vụ có chậm trễ được ghi nhận hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân. UBND và cơ quan chịu giám sát phải cung cấp tài liệu đủ

để đối chiếu nhiệm vụ, nguồn lực và kết quả. Để giám sát ngân sách, HĐND cần được cung cấp dự toán đã quyết định, tình hình thực hiện, điều chỉnh, kết quả nhiệm vụ và những khoản cần giải thích. Đối với hồ sơ hành chính, cần thêm lý do chậm, thời gian xử lý và trách nhiệm khắc phục.

Thường trực HĐND tổ chức phiên họp xem xét việc trả lời chất vấn và hoạt động giải trình trong phạm vi luật định; các ban thực hiện thẩm tra, giám sát và yêu cầu thông tin theo chức năng. Sau giám sát, cần ghi rõ kiến nghị, cơ quan thực hiện, thời hạn và căn cứ xác nhận hoàn thành. UBND báo cáo tình trạng xử lý vào kỳ báo cáo phù hợp; đồng thời, giải trình nội dung chưa thực hiện. Chủ thể giám sát theo dõi việc thực hiện; nếu chưa hoàn thành thì xem xét lý do, trách nhiệm và yêu cầu khắc phục tiếp theo. Trường hợp không thực hiện phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý đúng thẩm quyền. Đây cũng là cách làm rõ hệ quả của giám sát trong kiểm soát quyền lực.

Bốn là, bảo đảm dữ liệu dùng cho cả điều hành và giám sát. UBND Thành phố cần phân công cơ quan chuyên môn rà soát những thông tin đang phải cập nhật trùng lặp, thống nhất cách xác định chỉ tiêu, kỳ báo cáo và cơ quan chịu trách nhiệm về số liệu. Trước mắt, ưu tiên kết nối dữ liệu ngân sách, hồ sơ hành chính và tiến độ thực hiện nhiệm vụ đã có hệ thống quản lý; không đặt yêu cầu mọi dữ liệu phải cập nhật theo thời gian thực khi hạ tầng chưa đáp ứng. HĐND và các cơ quan của HĐND cần được cung cấp thông tin theo quyền hạn, với khả năng đối chiếu số liệu và văn bản làm căn cứ.

Năm là, nâng cao năng lực và điều kiện hoạt động theo đúng nhóm chủ thể. Đối với đại biểu HĐND cấp xã, trọng tâm là kỹ năng đọc, phân tích hồ sơ, lựa chọn vấn đề chất vấn và theo dõi kết luận giám sát; các Ban HĐND cần được bồi dưỡng về thẩm tra, giám sát theo lĩnh vực phụ trách. Đối với UBND và công chức, cần ưu tiên nghiệp vụ lập, điều hành ngân sách, áp dụng pháp luật chuyển tiếp, quản lý hồ sơ và chuẩn bị báo cáo giải trình. Thường trực HĐND phối hợp với UBND và cơ quan chuyên môn tổ chức bồi dưỡng phù hợp chức năng, tránh gộp những đối tượng với nhu cầu bồi dưỡng khác nhau vào một chương trình chung hoặc lấy số lượt tham gia để báo cáo làm kết quả nâng cao năng lực.

5. Kết luận

Thực tiễn TP. Hồ Chí Minh cho thấy, chất lượng quan hệ HĐND - UBND cần được xem xét qua cả sự phân định thẩm quyền, điều kiện tổ chức thực hiện và khả năng giám sát việc khắc phục những vấn đề phát sinh. Các giải pháp cần tập trung vào công việc cụ thể, nguồn lực phù hợp và thông tin có thể kiểm chứng. Việc tiếp tục nghiên cứu hồ sơ giám sát và kết quả thực hiện kiến nghị sẽ làm rõ hơn trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình vận hành chính quyền địa phương hai cấp ở TP. Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung❐

Tài liệu tham khảo:

Bovens, M. (2007). Analysing and Assessing Accountability: A Conceptual Framework. *European Law Journal, 13*(4), 447-468. https://doi.org/10.1111/j.1468-0386.2007.00378.x.

Lê Thương Huyền (03/12/2020). Bàn về mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân trong tổ chức quyền lực nhà nước. *Tạp chí Quản lý nhà nước*. https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/12/03/ban-ve-moi-quan-he-giua-uy-ban-nhan-dan-va-hoi-dong-nhan-dan-trong-to-chuc-quyen-luc-nha-nuoc

Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Quốc hội (2025a). *Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Quốc hội (2025b). *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025.

Quốc hội (2025c). *Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân* năm 2025.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh (2026). *Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 14/5/2026 sơ kết 01 năm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp tại TP. Hồ Chí Minh.*